TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày: 11/01/2024

V/v tranh chấp: "Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 549/2023/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc tranh chấp: "Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1044/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Đặng Văn M, sinh năm 1971 (có mặt);

1.2 Bà Đặng Thị H, sinh năm 1962 (có mặt);

1.3 Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Các nguyên đơn ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị Y và bà Đặng Thị H trình bày:

Con đường làng cặp kênh Nguyễn Văn T từ nhà ông Nguyễn Văn D chạy dài ra nhà ông Nguyễn Văn L, nhà bà Nguyễn Thị N ra lộ lớn là đường đi công cộng của các hộ dân từ trước năm 1975. Thời gian gần đây, bà Lê Thị S đào một đường thoát nước dài khoảng 8m, ngang khoảng 0,8m cặp theo đường công cộng để thoát nước thải sinh hoạt làm ô nhiễm môi trường và cản trở lối ra đường công cộng từ phần đất của bà Y và bà H.

Sau khi UBND xã P hòa giải không thành, bà Lê Thị S đã lấp lại đường thoát nước và kéo lưới B40 rào lại đoạn đường khoảng 8m không cho bà Y, ông M, bà H đi ra đường đi công cộng.

Nay, ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị S phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 8m, trả lại hiện trạng ban đầu của con đường công cộng và để ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y mở lối đi ra đường công cộng.

Bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Phần đất bà đang ở có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L vào năm 2003, hiện nay đã được cấp giấy đất, số thửa là 144, tờ bản đồ số 7, diện tích 161m^2. Ngoài ra, bà và ông L còn làm một giấy tay để ông L bán cho bà một đường mương để thoát nước dài từ đuôi đất của bà đến đầu đất của ông Nguyễn Văn L. Phần đất này phía tây giáp đất bà H và bà Y. Hiện tại, bà đã lấp đường nước này để mở rộng đường đi công cộng bên hông nhà của bà về phía sau nhà ông L. Sau khi UBND xã giải quyết thì bà đã lấp đường nước cũng như rào lưới B40 lại phần đất bà mua của ông Nguyễn Văn L.

Với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà không đồng ý vì phần đất bà rào lại là do bà mua của ông Nguyễn Văn L. Ngoài ra, ông M, bà H và bà Y cũng có lối đi khác ra đường đi công cộng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, Điều 35; Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y.

- Buộc bà Lê Thị S phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn M, Đặng Thị H và Đặng Thị Y về việc mở lối đi ra đường đi công cộng.

- Buộc bà Lê Thị S phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 đã rào từ vị trí đuôi đất của bà Lê Thị S đến phần đất của ông Nguyễn Văn L có chiều dài là 9,66m. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 05/10/2023, bị đơn bà Lê Thị S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bị đơn bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Các nguyên đơn ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị S làm trong thời hạn quy định nên được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Phần đất của ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị Y và bà Đặng Thị H có nguồn gốc trước đây là thửa đất số 157, diện tích 756,3m^2, do bà Nguyễn Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà T1 chết, các con của bà T1 đã làm thủ tục phân chia thừa kế thửa đất này. Theo đó, tách thửa 157 thành các thửa 255, diện tích 487m^2 cho Đặng Văn M; thửa 253, diện tích 120m^2 cho Đặng Thị H và thửa số 254 diện tích 133m^2 cho bà Đặng Thị Y.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thì:

Thửa 144 do bà Lê Thị S quản lý, sử dụng có tứ cận như sau:

+ Đông giáp Phan Thị T2;

+ Tây giáp: Nguyễn Thị T1;

+ Nam giáp Đất NĐ (nghĩa địa);

+ Bắc giáp: Phan Thị T3.

Như vậy, phần đất của bà Lê Thị S phía Nam giáp đất nghĩa địa, hiện nay có đường đi công cộng hiện hữu. Còn phía Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Thị T1 nay là của ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị Y và bà Đặng Thị H. Tại biên bản về việc thẩm tra, đo đạc diện tích thửa 144 có các bên giáp ranh ký tên xác nhận gồm bà T1, bà T2, bà T3. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 144 cho bà S hoàn toàn không thể hiện thửa đất của bà S có một phần kéo dài đến ranh đất của ông Nguyễn Văn L, hay ông L còn lại phần đất kéo dài đến phần đất của bà S.

Bà Lê Thị S trình bày: Vào ngày 16/3/2003 bà và ông L có làm một giấy tay về việc ông L bán cho bà một đường mương để thoát nước dài từ đuôi đất của bà đến đầu đất của ông Nguyễn Văn L với giá là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L thừa nhận sau khi bán một phần đất cho bà Lê Thị S vào năm 2003, do thửa đất này không có đường cống thoát nước, nên có bán thêm phần đất ngang khoảng 01m giáp với đường đi và giáp với bà H, bà Y. Tuy nhiên, ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông có phần đất ngang 1m giáp với đường đi công cộng như ông L trình bày. Mặt khác, sơ đồ vị trí đất của bà Lê Thị S cũng hoàn toàn không giáp với đất của ông Nguyễn Văn L. Hơn nữa, thửa đất 144 tờ bản đồ số 7 có diện tích 161m^2 bà S xác lập hợp đồng chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn L vào ngày 24/4/2007, đến ngày 22/6/2007 bà Lê Thị S mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà S cho rằng bà có quyền sử dụng đất với phần đất cặp dài theo đường đi công cộng từ đuôi đất của bà kéo dài đến đất của ông L là bà mua của ông L vào ngày 16/03/2003 có biên nhận viết tay để làm đường nước là không có căn cứ vì bà S nhận chuyển nhượng thửa đất 144 vào ngày 24/4/2007 còn đường thoát nước cho thửa đất thì bà mua trước đó bốn năm là không phù hợp.

Ngoài ra, những người dân địa phương gồm bà Phan Thị T2, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Tấn D1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Hồng Đ, ông Trần Văn Đ1 và ông Đặng Văn T4 đều xác định con đường đi công cộng này đã có từ năm 1975, người dân tại đây vẫn thường đi chợ, phơi bàng trên con đường tắt này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của các nguyên đơn và tháo dỡ hàng rào lưới B40 đã rào tại vị trí đuôi đất của bà Lê Thị S đến phần đất có chiều dài 9,66m là có căn cứ.

Bà Lê Thị S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sai sót về kích thước hàng rào lưới B40 buộc bà S tháo dỡ nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, các Điều 147, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 166 và Điều 168 Luật đất đai;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y.

- Buộc bà Lê Thị S phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn M, Đặng Thị H và Đặng Thị Y về việc mở lối đi ra đường công cộng.

- Buộc bà Lê Thị S phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 đã rào từ vị trí đuôi đất của bà Lê Thị S đến phần đất của ông Nguyễn Văn L có chiều dài 8,05m cao 1,2m diện tích là 9,66m^2. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003082 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, bà S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 0012040 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan